

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ III.2012**

- Mẫu số B01-CTCK : Bảng cân đối kế toán
- Mẫu số B02-CTCK : Kết quả hoạt động kinh doanh
- Mẫu số B04-CTCK : Lưu chuyển tiền tệ
- Mẫu số B09- CTCK: Thuyết minh báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B01-CTCK

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC  
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo TT162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+15</b>	<b>100</b>		<b>1,607,746,684,178</b>	<b>1,436,799,900,253</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1,100,328,918,785</b>	<b>630,953,770,665</b>
1. Tiền	111		656,328,918,785	357,953,770,665
2. Các khoản tương đương tiền	112		444,000,000,000	273,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>310,826,615,003</b>	<b>335,103,322,791</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	498,040,442,792	570,045,345,753
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(187,213,827,789)	(234,942,022,962)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>193,748,947,282</b>	<b>467,946,017,939</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1,395,099,172	1,917,618,825
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	V.5	316,872,524,347	584,184,603,060
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6	2,803,737,133	7,536,702,013
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(127,322,413,370)	(125,692,905,959)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>20,456,000</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		20,456,000	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,821,747,108</b>	<b>2,796,788,858</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1,642,144,676	1,784,786,607
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1,179,602,432	1,012,002,251

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B01-CTCK

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC  
 ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo TT162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
<b>B-</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>58,393,481,668</b>	<b>51,213,294,484</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49,168,855,259</b>	<b>43,368,499,083</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	13,244,443,679	9,420,220,740
	Nguyên giá	222		42,323,011,608	34,483,712,041
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29,078,567,929)	(25,063,491,301)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	25,289,629,575	25,583,810,372
	Nguyên giá	228		39,100,780,651	35,969,683,151
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13,811,151,076)	(10,385,872,779)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	10,634,782,005	8,364,467,971
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
	- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		-	-
	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9,224,626,409</b>	<b>7,844,795,401</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	704,769,393	1,422,164,572
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.13	8,444,857,016	6,422,630,829
4.	Tài sản dài hạn khác	268		75,000,000	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1,666,140,165,846</b>	<b>1,488,013,194,737</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo TT162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

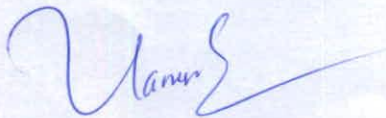
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>557,454,611,113</b>	<b>449,421,004,251</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>557,454,611,113</b>	<b>449,421,004,251</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	-	-
2. Phải trả người bán	312	V.15	1,150,218,814	1,508,632,555
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	531,517,745	373,531,810
5. Phải trả người lao động	315		2,672,715	-
6. Chi phí phải trả	316	V.17	13,611,158,047	11,100,386,195
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		91,194,599,956	108,984,633,563
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.18	450,528,689,536	327,152,878,628
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	V.19	132,804,300	188,181,500
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322	V.20	302,950,000	112,760,000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>1,108,685,554,733</b>	<b>1,038,592,190,486</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>1,108,685,554,733</b>	<b>1,038,592,190,486</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		999,990,000,000	999,990,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		95,000,000,000	95,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3,310,000)	(3,310,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		32,656,202,830	32,656,202,831
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(18,957,338,097)	(89,050,702,345)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1,666,140,165,846</b>	<b>1,488,013,194,737</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Số	
		Số cuối Quý	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	5,287,485,735	5,287,485,735
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	3,198,248,040,000	2,864,493,620,000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	3,167,712,340,000	2,760,053,520,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	115,836,420,000	143,718,760,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của thành viên trong nước	009	3,007,110,570,000	2,585,716,210,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	44,765,350,000	30,618,550,000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	19,304,700,000	94,353,100,000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	3,310,000	50,000,000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	19,295,870,000	94,289,000,000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	5,520,000	14,100,000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	11,231,000,000	10,087,000,000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	10,000,000,000	10,000,000,000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	1,231,000,000	87,000,000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	196,445,790,000	226,668,470,700
10. Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá	084	61,933,410,000	61,928,630,000

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 12 tháng 10 năm 2012

Quyền Tổng Giám đốc




Nguyễn Hoàng Giang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý III.2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>50,288,969,953</b>	<b>57,746,811,205</b>	<b>197,803,795,082</b>	<b>215,774,330,317</b>
<b>Trong đó:</b>						
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		12,321,481,695	11,284,811,939	50,835,205,426	32,929,662,247
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1,874,274,405	2,544,311,249	13,179,397,039	2,742,779,996
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-	-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	200,000,000	355,454,545	660,050,505
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		351,995,816	-	372,245,816	181,590,573
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	19,196,338	-	19,196,338
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-	-	-
Doanh thu khác	01.9		35,741,218,037	43,698,491,679	133,061,492,256	179,241,050,658
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10-01-02)</b>	<b>10</b>		<b>50,288,969,953</b>	<b>57,746,811,205</b>	<b>197,803,795,082</b>	<b>215,774,330,317</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>VI.1</b>	<b>24,600,896,028</b>	<b>30,736,050,522</b>	<b>79,438,825,323</b>	<b>278,984,666,480</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20-10-11)</b>	<b>20</b>		<b>25,688,073,925</b>	<b>27,010,760,683</b>	<b>118,364,969,759</b>	<b>(63,210,336,163)</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>VI.2</b>	<b>15,775,222,804</b>	<b>15,059,686,693</b>	<b>48,696,253,622</b>	<b>54,310,722,226</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30-20-25)</b>	<b>30</b>		<b>9,912,851,121</b>	<b>11,951,073,990</b>	<b>69,668,716,137</b>	<b>(117,521,058,389)</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>	<b>VI.3</b>	<b>113,589,852</b>	<b>36,562,909</b>	<b>425,375,773</b>	<b>72,712,863</b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>	<b>VI.4</b>	<b>11,888</b>	<b>123,032,215</b>	<b>727,662</b>	<b>9,286,882,306</b>
<b>10. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>113,577,964</b>	<b>(86,469,306)</b>	<b>424,648,111</b>	<b>(9,214,169,443)</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>10,026,429,085</b>	<b>11,864,604,684</b>	<b>70,093,364,248</b>	<b>(126,735,227,832)</b>
<b>12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>V.16</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2,777,650,444</b>
<b>13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>10,026,429,085</b>	<b>11,864,604,684</b>	<b>70,093,364,248</b>	<b>(129,512,878,276)</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.5</b>	<b>100</b>	<b>119</b>	<b>701</b>	<b>(1,295)</b>

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 12 tháng 10 năm 2012

Quản lý Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III.2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		70,093,364,248	(126,735,227,832)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		7,440,354,925	6,314,437,273
- Các khoản dự phòng	03		9,317,696,427	135,469,547,582
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		26,550,295,477	62,411,294,073
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		113,401,711,077	77,460,051,096
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		286,253,171,770	682,733,775,670
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(20,456,000)	4,894,041
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		106,129,731,861	(888,495,507,620)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(860,037,110)	(680,397,343)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(24,646,420,477)	(52,687,101,025)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(10,000,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>480,257,701,121</b>	<b>(191,664,285,180)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13,240,711,101)	(21,090,415,229)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,358,158,100	12,685,728,212
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(10,882,553,001)</b>	<b>(8,404,687,017)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B03 - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC  
 ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo TT162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(150,650,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(150,650,000,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong Quý</b>	<b>50</b>		<b>469,375,148,120</b>	<b>(350,718,972,197)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>630,953,770,665</b>	<b>1,144,120,749,064</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối Quý</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>1,100,328,918,785</b>	<b>793,401,776,867</b>

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 12 tháng 10 năm 2012

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

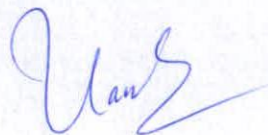


**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
**Quý III.2012**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	999,990,000,000	999,990,000,000	-				999,990,000,000	999,990,000,000
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ								
Chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn								
Tăng vốn bằng tiền								
<b>2. Thặng dư vốn cổ phần</b>	95,000,000,000	95,000,000,000	-	-	-	-	95,000,000,000	95,000,000,000
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ								
Tăng vốn bằng tiền								
<b>4. Cổ phiếu quỹ (*)</b>	(3,310,000)	(3,310,000)	-				(3,310,000)	(3,310,000)
Mua lại cổ phiếu không phát hành hết								
<b>8. Quỹ dự phòng tài chính</b>	32,656,202,831	32,656,202,831	0				32,656,202,831	32,656,202,831
Trích lập quỹ trong năm								
<b>10. Lợi nhuận chưa phân phối</b>	113,907,425,481	(89,050,702,345)	0	202,958,127,826	70,093,364,248	0	(89,050,702,345)	(18,957,338,097)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn					0			
Phân phối quỹ					0			
Lợi nhuận trong năm				202,958,127,826	70,093,364,248			
<b>Cộng</b>	<b>620,775,159,156</b>	<b>1,038,592,190,486</b>	<b>-</b>	<b>202,958,127,826</b>	<b>70,093,364,248</b>	<b>-</b>	<b>1,038,592,190,486</b>	<b>1,108,685,554,734</b>

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 12 tháng 10 năm 2012

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý III Năm 2012**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh Chứng khoán
- Hoạt động chính trong năm** : Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012 có 251 nhân viên đang làm việc tại Công ty

### **NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### **III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Tiền và các khoản tương đương tiền**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Nguyên tắc đánh giá tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 05
Dụng cụ quản lý	03 – 10
Phần mềm quản lý	03 – 10

### 4. Đầu tư tài chính

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các Công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc và giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tức thời.

#### *Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh*

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên thì không trích lập dự phòng.

#### ***Đầu tư tài chính khác***

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

#### **5. Các hợp đồng mua lại và bán lại**

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán được ghi nhận là doanh thu hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

#### **6. Giao dịch mua chứng khoán ký quỹ**

Là giao dịch Công ty cho khách hàng mua chứng khoán thấu chi khi tài khoản khách hàng không đủ tiền. Chứng khoán đã mua được sử dụng để thế chấp cho phần thấu chi.

#### **7. Chi phí trả trước**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### **8. Chi phí phải trả**

---

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

#### **9. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập và sử dụng theo quy định và Điều lệ Công ty.

#### **10. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán (khi nhận được Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và giá vốn bình quân của chứng khoán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## 12. Tài sản tài chính

### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **13. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Công cụ tài chính phức hợp*

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

### 14. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 15. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 16. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

## IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng	656.328.918.785	357.953.770.665
Trong đó:		
<i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	439.753.278.188	284.926.947.633
Các khoản tương đương tiền	444.000.000.000	273.000.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>1.100.328.918.785</u></u>	<u><u>630.953.770.665</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Đầu tư ngắn hạn***Tình hình nắm giữ chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn như sau:*

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	436.027.761.461	509.527.149.422
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>167,735,672,471</i>	<i>300.476.372.061</i>
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>268,292,088,990</i>	<i>209.050.777.361</i>
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn	14.180.000.000	12.176.000.000
<i>Trái phiếu Công ty</i>	<i>14.180.000.000</i>	<i>12.176.000.000</i>
Đầu tư ngắn hạn khác	47.832.681.331	48.342.196.331
<i>Cho Công ty CP Địa ốc Minh Ngân vay</i>	<i>42.784.681.332</i>	<i>42.784.681.332</i>
<i>Hợp tác đầu tư</i>	<i>5.047.999.999</i>	<i>5.557.514.999</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>498.040.442.792</u></b>	<b><u>570.045.345.753</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Tình hình đầu tư chứng khoán như sau:*

Chỉ tiêu	Giá trị theo sổ kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối Quý	Đầu năm	Cuối Quý	Đầu năm	Cuối Quý	Đầu năm
<b>+ Cổ phiếu</b>	<b>436.027.761.461</b>	<b>509.527.149.422</b>	<b>187.213.827.789</b>	<b>234.942.022.962</b>	<b>249.997.186.030</b>	<b>274.585.126.460</b>
Ngân hàng TMCP An Bình	157.388.867.266	111.956.420.466	38.889.855.466	31.747.521.866	118.499.011.800	80.208.898.600
Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	177.505	21.541.859.251	3.805	8.959.254.251	173.700	12.582.605.000
Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng	-	2.958.425.424	-	1.030.131.024	-	1.928.294.400
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Hoàng Thành	110.871.856.029	97.062.900.000	30.418.300.029	-	80.453.556.000	97.062.900.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	346.318.770	3.194.839.231	-	1.492.392.031	456.799.200	1.702.447.200
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị Sông Đà	100.928.420.000	100.928.420.000	81.570.270.000	91.962.540.000	19.358.150.000	8.965.880.000
Công ty cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	55.371.158.125	55.370.984.925	35.944.927.525	29.051.718.525	19.426.230.600	26.319.266.400
Công ty cổ phần Xây dựng số 3	-	97.691.041.542	-	66.789.784.942	-	30.901.256.600
Công ty cổ phần Ánh Dương Việt Nam	-	17.600.033.387	-	3.341.549.387	-	14.258.484.000
CTCP Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	81.324	2.096.976	20.124	739.776	61.200	1.357.200
CTCP Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	1.143.780.798				1.144.460.400	
CTCP Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT	5.241.800.938		32.787.038		5.209.013.900	
Tổng CTCP bảo hiểm Bưu điện	1.194.297.402		2.058.802		1.192.238.600	
Tổng CTCP tài chính dầu khí Việt Nam	1.317.081.600		69.034.800		1.248.046.800	
CTCP Khu Công nghiệp Tân Tạo	1.472.033.000		32.010.500		1.440.022.500	
Các mã chứng khoán khác	751.888.706	1.220.128.220	254.559.701	566.391.160	1.569.421.330	653.737.060
<b>+ Trái phiếu Công ty</b>	<b>14.180.000.000</b>	<b>12.176.000.000</b>			<b>20.000.000.000</b>	<b>12.176.000.000</b>
Trái phiếu BIDV	14.180.000.000	12.176.000.000			20.000.000.000	12.176.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>450.207.761.461</b>	<b>521.703.149.422</b>	<b>187.213.827.789</b>	<b>234.942.022.962</b>	<b>269.997.186.030</b>	<b>286.761.126.460</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Đã niêm yết</b>	<b>Chưa niêm yết</b>	<b>Cộng</b>
Giá trị theo sổ kế toán	181.915.672.471	268.292.088.990	450.207.761.461
Giá trị theo thị trường	71.018.266.230	198.978.919.800	269.997.186.030
Số phải trích lập dự phòng tại 30/9/2012	117.900.658.598	69.313.169.190	187.213.827.789
Số đã trích tại 30/06/2012	112.707.962.171	69.313.169.190	182.021.131.361
<b>Số trích lập năm nay</b>	<b>5.192.696.427</b>	<b>-</b>	<b>5.192.696.427</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Tư vấn Quản lý C&A	550.000.000	550.000.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	192.432.000	192.432.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Phương Đông ICA	10.000.000	10.000.000
Các đối tượng khác	642.667.172	1.165.186.825
<b>Cộng</b>	<b>1.395.099.172</b>	<b>1.917.618.825</b>

**5. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán**

	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Ứng tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	25.653.203.430	7.840.227.476
Phải thu về bảo lãnh thanh toán tiền mua chứng khoán của người đầu tư (*)	265.414.214.646	492.091.459.458
Phải thu hoạt động tự doanh chứng khoán	18.521.422.939	83.797.716.126
Phải thu lãi các ngân hàng	7.283.683.332	-
Phải thu các hợp đồng mua bán lại chứng khoán	-	455.200.000
<b>Cộng</b>	<b>316.872.524.347</b>	<b>584.184.603.060</b>

(\*) Công ty có quy định về thẩm quyền quyết định cho bảo lãnh thanh toán, danh mục các chứng khoán được sử dụng để bảo lãnh và tỷ lệ biên tương ứng. Thực tế, công ty có chế độ ưu đãi về tỷ lệ biên với các khách hàng lớn. Các quy trình, thủ tục cho phép bảo lãnh thanh toán, việc quản lý giám sát đều được thực hiện trên hệ thống phần mềm.

**6. Các khoản phải thu khác**

	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải thu về cho cán bộ nhân viên vay vốn	1.887.800.000	1.887.800.000
Lãi cho cán bộ nhân viên vay vốn	75.975.333	75.975.333
Phải thu tiền ủy thác quản lý vốn	-	-
Phải thu về dự án IPA	-	287.578.273
Phải thu khác	839.961.800	5.285.348.407
<b>Cộng</b>	<b>2.803.737.133</b>	<b>7.536.702.013</b>

**7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Là dự phòng cho các khoản nợ khó có khả năng thu hồi. Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Quý này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu quý	123.197.413.370	14.814.102.783
Trích lập dự phòng bổ sung	4.125.000.000	123.941.047.030
Hoàn nhập dự phòng	-	13.062.243.854
<b>Số cuối quý</b>	<b><u>127.322.413.370</u></b>	<b><u>125.692.905.959</u></b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí CCDC, đồ dùng văn phòng	428.679.881	507.279.950
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.213.464.795	1.277.506.657
<b>Cộng</b>	<b><u>1.642.144.676</u></b>	<b><u>1.784.786.607</u></b>

**9. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	649.904.966	147.010.821
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	529.697.466	864.991.430
<b>Cộng</b>	<b><u>1.179.602.432</u></b>	<b><u>1.012.002.251</u></b>

**10. Tài sản cố định**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng TSCĐ hữu hình</u>	<u>TSCĐ vô hình</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	10.562.794.997	23.920.917.044	34.483.712.041	35.969.683.151
Mua sắm mới	7.396.284.566	484.133.001	7.880.417.567	3.131.097.500
Giảm trong năm		41.118.000	41.118.000	
<b>Số cuối quý</b>	<b><u>17.959.079.563</u></b>	<b><u>24.363.932.045</u></b>	<b><u>42.323.011.608</u></b>	<b><u>39.100.780.651</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	4.764.784.985	20.298.706.316	25.063.491.301	10.385.872.779
Khấu hao trong năm	2.173.231.904	1.841.844.724	4.015.076.628	3.425.278.297
<b>Số cuối quý</b>	<b><u>6.938.016.889</u></b>	<b><u>22.140.551.040</u></b>	<b><u>29.078.567.929</u></b>	<b><u>13.811.151.076</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	5.798.010.012	3.622.210.728	9.420.220.740	25.583.810.372
<b>Số cuối quý</b>	<b><u>11.021.062.674</u></b>	<b><u>2.223.381.005</u></b>	<b><u>13.244.443.679</u></b>	<b><u>25.289.629.575</u></b>

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ trong kỳ	Số cuối quý
Phần mềm cho mạng xã hội "Vndirect community"	200.255.150		-	200.255.150
Phần mềm đặt lệnh	6.595.385.443		-	6.595.385.443
Xây dựng trụ sở tại chi nhánh HCM		3.776.468.600		3.776.468.600
Lắp đặt hệ thống chuyên mạch trung tâm (Core Switch)	1.506.154.566		1.506.154.566	
Phần mềm cho sàn giao dịch chứng khoán ảo Vndirect	62.672.812		-	62.672.812
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.364.467.971</b>	<b>3.776.468.600</b>	<b>1.506.154.566</b>	<b>10.634.782.005</b>
<b>12. Chi phí trả trước dài hạn</b>				
			<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí CCDC, đồ dùng văn phòng			583,174,626	737.294.851
Chi phí sửa chữa tài sản			121,594,767	684.869.721
<b>Cộng</b>			<b>704,769,393</b>	<b>1.422.164.572</b>
<b>13. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán</b>			<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền nộp ban đầu			-	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm			2.022.226.187	6.302.630.829
<b>Số cuối quý</b>			<b>8.444.857.016</b>	<b>6.422.630.829</b>
<b>14. Phải trả người bán</b>			<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA			1.120.218.814	999.225.422
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu			-	455.980.516
Các đối tượng khác			30.000.000	53.426.617
<b>Cộng</b>			<b>1.150.218.814</b>	<b>1.508.632.555</b>
<b>15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>			<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Thuế GTGT đầu ra			150.004	506.592
Thuế Thu nhập doanh nghiệp			0	
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV			198,915,107	131.422.941
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư			332,452,634	241.602.277
Thuế môn bài			0	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế nhà thầu	0	
Các khoản phải nộp khác	0	
<b>Cộng</b>	<b>531,517,745</b>	<b>373.531.810</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng. Các hoạt động khác chịu thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất thuế là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Quý này</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.026.429.085
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.358.158.100)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
Chi phí không được loại trừ khi tính thuế	
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Chênh lệch tạm thời phải tính thuế)	(2.358.158.100)
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	7.668.270.985
Thu nhập chịu thuế	(7.668.270.985)
Số lỗ chuyển kỳ này	-
Thu nhập tính thuế	25%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	-

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**16. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi phải trả	12.331.499.995	10.427.624.995
Hoa hồng môi giới	859.757.845	298.583.375
Phí giao dịch phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	188.957.057	162.559.246
Phí giao dịch phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	230.943.150	211.618.579
Các khoản chi phí văn phòng phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.611.158.047</b>	<b>11.100.386.195</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**17. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư dùng để thanh toán giao dịch chứng khoán

**18. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty VNPT GLOBAL		
Công ty CP tập đoàn đầu tư IPA	111.611.500	112.861.500
Cổ tức các công ty khác	21.192.800	75.320.000
<b>Cộng</b>	<b>132.804.300</b>	<b>188.181.500</b>

**19. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán**

Là các khoản nhà đầu tư nộp tiền thực hiện quyền mua chứng khoán phát hành thêm phải trả cho tổ chức phát hành chứng khoán

**20. Phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	184.363.440	100.709.040
BHXH, BHYT phải nộp	6.032.095	22.986.895
Tiền đặt cọc hợp đồng môi giới mua trái phiếu	86.999.500.000	106.510.554.658
Phải trả nhà ủy thác đầu tư tiền bán chứng khoán	3.171.884.629	135.952.139
Các khoản phải trả khác	832.819.792	2.214.430.832
<b>Cộng</b>	<b>91.194.599.956</b>	<b>108.984.633.564</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****1. Doanh thu khác**

	<u>Quý này</u>	<u>Quý trước</u>
Lãi tiền gửi	28.066.981.401	37.515.150.967
Cổ tức	2.358.158.100	4.664.743.246
Thu lãi bảo lãnh tiền mua	5.304.991.965	11.151.068.209
Doanh thu khác	11.086.571	201.175.224
<b>Cộng</b>	<b><u>35.741.218.037</u></b>	<b><u>53.532.137.646</u></b>

**2. Chi phí hoạt động kinh doanh**

	<u>Quý này</u>	<u>Quý trước</u>
Chi phí môi giới chứng khoán	6.796.847.629	12.544.023.748
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	760.039.036	13.116.344.260
Chi phí dự phòng	9,317,696,427	
Chi phí sử dụng vốn	7,726,312,936	13.088.902.119
Chi phí trực tiếp kinh doanh khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>24.600.896.028</u></b>	<b><u>38.749.270.127</u></b>

**3. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý này</u>	<u>Quý trước</u>
Chi phí nhân viên	8.161.160.395	8.214.186.580
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.433.828.019	2.535.112.101
Thuế, phí, lệ phí	100.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.180.134.390	6.080.416.795
<b>Cộng</b>	<b><u>15.775.222.804</u></b>	<b><u>16.829.715.476</u></b>

**4. Thu nhập khác**

	<u>Quý này</u>	<u>Quý trước</u>
Các khoản thu nhập khác	113.589.852	137.946.274
<b>Cộng</b>	<b><u>113.589.852</u></b>	<b><u>137.946.274</u></b>

**5. Chi phí khác**

	<u>Quý này</u>	<u>Quý trước</u>
Các khoản chi phí khác	11.888	34.145
<b>Cộng</b>	<b><u>11.888</u></b>	<b><u>34.145</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Quý này</u>	<u>Quý trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.026.429.085	29.661.259.777
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.026.429.085	29.661.259.777
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	99.974.707	99.999.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>100</b>	<b>297</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Quý này</u>	<u>Quý trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	99.974.707	99.999.000
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>99.974.707</b>	<b>99.999.000</b>

**7. Thu nhập của nhân viên**

	<u>Quý này</u>	<u>Quý trước</u>
Tổng quỹ tiền lương	8.161.160.395	8.214.186.580
Tổng quỹ tiền thưởng	-	-
Tổng thu nhập	8.161.160.395	8.214.186.580
Tổng số cán bộ nhân viên	251	250
Tiền lương bình quân/tháng	10.838.194	10.952.249
Tổng thu nhập bình quân/tháng	10.838.194	10.952.249

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Quyển Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang